TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST.
Ngày: 18/10/2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY-TỈNH KONTUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Thiều Thị Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hải Lý và ông Đỗ Hiền Lương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lương Công Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện ST**.**

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Huyện ST, tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 02 L, quận B, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quý H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện ST Kon Tum.

Trụ sở: Số 54 Hùng Vương – thôn 2, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Doãn H, sinh năm 1975. Có mặt.

Đơn vị công tác: Đđ, S 10 tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Thôn BN, xã SB, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

2. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1974. Có đơn xin vắng mặt.

Đơn vị công tác: Hạt Kiểm lâm huyện K, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Thôn BN, xã SB, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Chí T và chị Nguyễn Thị Mỹ N.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã SB, huyện ST, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2019, Ngân hàng N thể hiện: Ngày 03/7/2013, ông Nguyễn Doãn H ký kết vay vốn với Agribank chi nhánh huyện ST Kon Tum với số tiền là 1.500.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số 5105-LAV-201301857. Mục đích vay: Nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất. Thời hạn vay vốn: 36 tháng, kể từ ngày 03/7/2013. Lãi suất cho vay: 13%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng được bảo đảm bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5105-LCL-201200532 được UBND xã Sa Bình chứng thực ngày 29/6/2012 và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện ST, tỉnh Kon tum đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/6/2012. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà M đã vi phạm điều 5 khoản 5.1 tiết b, tiết c tại hợp đồng tín dụng số 5105-LAV-201301857.

Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M thanh toán số tiền đang nợ (*Gồm số tiền gốc, tiền lãi*) tạm tính đến ngày 10/4/2019 là 2.795.327.708 đồng (*Hai tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ tám đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2019 đến ngày ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M trả hết nợ cho Ngân hàng N. Nếu ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M không thực hiện việc trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5105-LCL-201200532, ngày 29/6/2012 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xuất trình bảng kê tính lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/10/2019 yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ là 2.948.287.311 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 1.499.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn: 1.449.287.311 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm sau ngày xét xử cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết, lãi suất sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng. Nếu ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ và phải chịu toàn bộ chi phí có liên quan đến việc xử lý nợ. Trường hợp bán hết tài sản thế chấp vẫn chưa thu đủ nợ vay (*Gốc, lãi, lãi phạt, các khoản chi phí liên quan*

khác- nếu có), Ngân hàng N đề nghị ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

Bị đơn ông Nguyễn Doãn H trình bày: Tôi thừa nhận có nợ của Agribank chi nhánh huyện ST Kon Tum với số tiền gốc là 1.499.000.000 đồng. Tuy nhiên, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, vì:

Thứ nhất, năm 2014 tôi và bà M nhận thấy cao su mất giá, không có khả năng chi trả cho Ngân hàng nên đã yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ nhưng Ngân hàng không đồng ý.

Thứ hai, khi tôi và bà M tìm cách khắc phục để có tiền trả nợ là bán cây cao su trên đất để trả bớt và chuyển đổi mục đích cây trồng khác để hiểu quả hơn nhưng Ngân hàng không tạo điều kiện.

Thứ ba, khi tôi bán đất còn dư 90.000.000 đồng, tôi lên gặp đại diện Ngân hàng nhưng ngân hàng không thu với lý do phải trả đủ 220.000.000 như cam kết tại biên bản làm việc ngày 17/8/2015 mới thu. Do đó, làm cho gia đình tôi muốn tìm cách trả nợ cũng gặp khó khăn.

Thứ tư, khi cây cao su có giá tôi tiếp tục đề nghị Ngân hàng và dẫn người mua lên bán để trả bớt lãi nhưng Ngân hàng không đồng ý. Từ đó đến nay, vườn cao su buộc phải bỏ trống không khai thác.

Do đó, để bảo vệ cho quyền và lợi ích của chúng tôi, tôi đề nghị Tòa án xem xét phần lãi suất mà Ngân hàng áp dụng đã đúng quy định chưa. Bản thân tôi không nhất trí trả lãi cho Ngân hàng vì tôi và bà M đã yêu cầu Ngân hàng bán tài sản để trả nợ nhưng Ngân hàng không giải quyết.

Đối với tài sản bảo đảm: Nếu được giá tôi sẵn sang bán để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra, hiện nay tài sản thế chấp có anh T đang lấn chiếm trồng cà phê và trồng mỳ trên diện tích đất đã thế chấp. Tòa án đã đi xem xét và biết. Trên thực tế, bản thân tôi đã thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của tôi, tôi hiểu pháp luận nên không có việc tôi bán diện tích đất thế chấp cho anh T hay đồng ý cho anh T canh tác trên đất đã thế chấp.

Bị đơn bà Phạm Thị M trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải: Tôi đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi đề nghị Ngân hàng xem xét, tạo điều kiện giảm phần lãi suất cho tôi và ông H. Vì như ông H đã trình bày, ông H và tôi đã nhiều lần tìm cách khắc phục và có liên hệ làm việc trực tiếp với Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản sớm hơn nhưng Ngân hàng không chấp nhận. Đến nay, thời gian trả lãi đã quá lâu nên lãi suất lên cao mà tôi thấy cũng có lỗi một phần của Ngân hàng nên tôi đề nghị Ngân hàng xem xét. Đối với tài sản bảo đảm, tôi đồng ý hướng xử lý phát mãi tài sản để xử lý nợ nhưng tôi đề nghị để chúng tôi tìm khách hàng để bán nhằm giảm bớt các chi phí phát sinh và chúng tôi cam kết rằng sẽ phối hợp với Ngân hàng để các bên tìm được tiếng nói chung trong việc xử lý tài sản.

Hiện nay, đất thế chấp có anh T đang canh tác Mỳ và Cà phê trên đất, bản thân tôi chưa bao giờ đồng ý cho anh T canh tác và chưa bao giờ bán đất đã thế chấp cho anh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Ngày 08/10/2016 chúng tôi có mua của ông H 02 thửa đất, thửa thứ nhất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản thân tôi đã sang tên; thửa thứ hai chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 3hecta. Khi mua và làm giấy viết tay có người làm chứng cho việc mua bán. Chúng tôi không mua đất đã thế chấp vì đất đã thế chấp là của Ngân hàng. Khi mua anh H có chỉ mốc giới cho chúng tôi nên chúng tôi mới tiến hành khai hoang rồi trồng mỳ và Cà phê trên đất. Trong vụ án này, Tòa án đang giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông H, bản thân chúng tôi chỉ tranh chấp với ông H không liên quan đến tranh chấp của Ngân hàng. Tôi đề nghị Tòa án không triệu tập chúng tôi tham gia vụ án và chúng tôi không yêu cầu Tòa án xử lý tranh chấp giữa chúng tôi và ông H trong vụ án này, chúng tôi sẽ tiến hành khởi kiện ông H trong một vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện ST có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của tố tụng.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng thời, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

+ Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M có nơi cư trú tại Thôn BN, xã SB, huyện ST, tỉnh Kon Tum. Đây là tranh chấp về dân sự, Tòa án nhân dân huyện ST thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Giao dịch giữa các bên được xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

+ Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

Qua trình bày của của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Ngày 03/7/2013, ông Nguyễn Doãn H ký kết vay vốn với Agribank chi nhánh huyện ST Kon Tum với số tiền là 1.500.000.000 đồng tại

hợp đồng tín dụng số 5105-LAV-201301857. Mục đích vay: Nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất. Thời hạn vay vốn: 36 tháng, kể từ ngày 03/7/2013. Lãi suất cho vay: 13%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng được bảo đảm bởi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5105-LCL-201200532 được UBND xã Sa Bình chứng thực ngày 29/6/2012 và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện ST, tỉnh Kon tum đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/6/2012. HĐXX xét thấy, hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ với nhau theo đúng cam kết.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc và tiền lãi:

Đối với yêu cầu đòi nợ gốc: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5105-LAV-201301857 và bảng kê tính lãi, lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định: Bị đơn có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Ông Nguyễn Doãn H đã nhận đủ số tiền vay là 1.500.000.000 đồng thể hiện qua bảng theo dõi phát tiền vay và kế hoạch trả nợ ngày 03/7/2013. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, chỉ mới trả được 108.333.334 đồng tiền lãi trong hạn và 1.000.000 đồng tiền gốc. Ngân hàng N đã thông báo và đôn đốc nhiều lần để thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết nhưng không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải trả số nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2019) là 1.499.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Theo bảng tính lãi ngày 18/10/2019, ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M đã trả số tiền lãi trong hạn là 108.333.334 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M trả số tiền lãi tính đến ngày 18/10/2019 là 1.449.287.311đồng. Bị đơn cho rằng, đã tìm nhiều biện pháp khắc phục như chuyển đổi mục đích cây trồng, đề nghị phát mãi tài sản thế chấp, đề nghị áp dụng biện pháp giảm lãi suất cho vay đối với món vay nhưng không được Ngân hàng chấp nhận và hiện nay gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ nên đề nghị xem xét lại phần lãi suất để đảm bảo quyền lợi cho bên vay. HĐXX xét thấy, căn cứ vào các biên bản làm việc giữa Ngân hàng và bên vay trong quá trình thực hiện hợp đồng. Ngân hàng có thiện chí trong việc giảm lãi suất nhưng bên vay không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng về điều kiện để được giảm lãi suất nên Ngân hàng không tiến hàng giảm lãi là đúng với quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh Ngân hàng không tạo điều kiện để bị đơn thực hiện biện pháp khắc phục việc trả nợ. Ngoài ra, Ngân hàng tính tiền lãi suất theo đúng thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa, Ngân hàng không đồng ý giảm lãi suất cho bên vay. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 18/10/2019 là 1.449.287.311đồng là có cơ sở, phù hợp với

hợp đồng hai bên đã ký kết.

[4] Về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5105-LCL-201200532 ngày 26 tháng 9 năm 2012 được lập thành văn bản, có công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Vì vậy, nếu ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản bảo đảm hai bên đã ký trong hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

Đối với tài sản trên đất thế chấp hiện nay có anh T, chị N đang lấn chiếm trồng cà phê và trồng mỳ trên diện tích đất đã thế chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị N không đề nghị giải quyết trong vụ án này mà để tự giải quyết trong một vụ án khác nên HĐXX không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải trả số nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2019) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm (18/10/2019) đến ngày ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M trả hết nợ cho Ngân hàng N. Nếu ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M không thực hiện việc trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5105-LCL-201200532, ngày 29/6/2012 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

[6] Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 43.953.000 đồng tiềntạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000826 ngày 23/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Kon Tum.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải chịu toàn bộ và có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 144, Điều 147; Điều 158; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 342; Điều 343; khoản 7 Điều 351; Điều 355; Điều 302; Điều 471; Điều 474; Điều 715 và Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010.

Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 18/10/2019 là 2.948.287.311 đồng (*Hai tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm mười một đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 1.499.000.000 đồng, nợ lãi là: 1.449.287.311 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (*18/10/2019*), ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến ngày thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp, ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất tại thửa số 5, tờ bản đồ số 23, diện tích 41.792m^2 với vị trí thửa đất ở Thôn B, xã SB, huyện ST (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số AP360155 do UBND huyện ST cấp ngày 28/4/2009*) và tài sản gắn liền với đất để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp, tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải chịu toàn bộ và có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Doãn H và bà Phạm Thị M phải chịu số tiền là 90.965.746 đồng (*Chín mươi triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, ông Nguyễn Doãn H phải chịu số tiền là 45.482.873 đồng và bà Phạm Thị M phải chịu số tiền là 45.482.873 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 43.953.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi ba ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000826 ngày 23/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Kon Tum.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*ngày 18/10/2019*) nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền gửi đơn kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin

xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- TAND Tỉnh kon tum;
- VKSND huyện ST;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thiều Thị Dũng